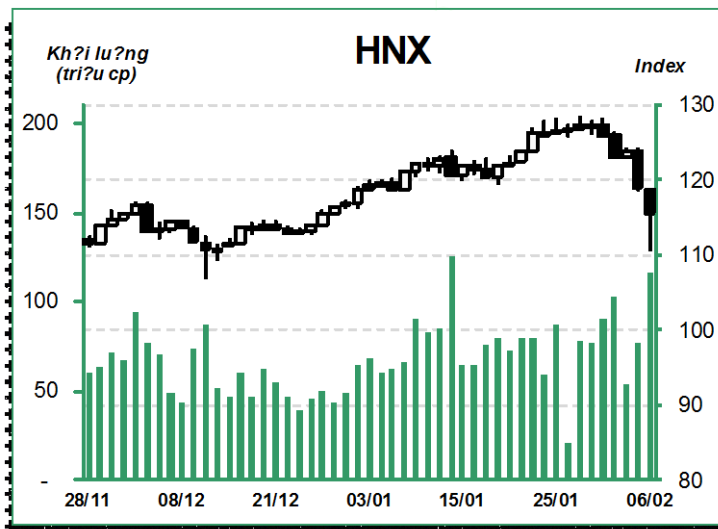
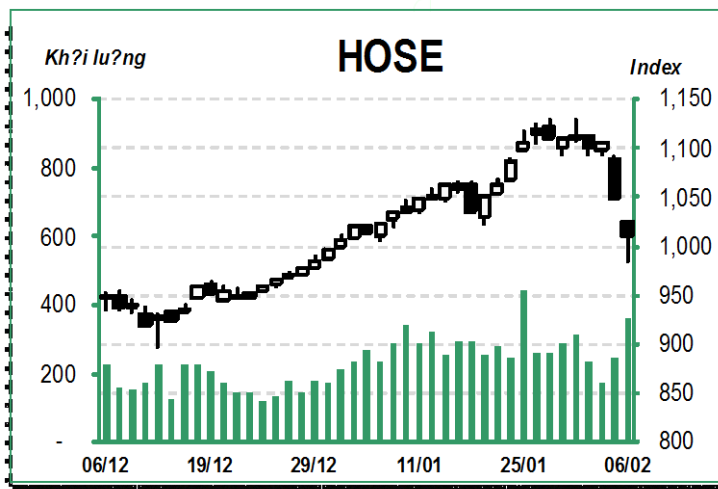


Tổng quan thị trường

06/02/2018	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,011.60	-3.54%	1,007.72	-2.64%	115.63	-2.78%
Cuối tuần trước	1,105.04	-8.46%	1,090.40	-7.58%	123.97	-6.73%
Trung bình 20 ngày	1,072.96	-5.72%	1,066.01	-5.47%	123.30	-6.22%
Tổng KLGD (triệu cp)	480.71	70.44%	152.31	54.04%	126.94	37.17%
KLGD khớp lệnh	364.44	46.86%	144.85	56.69%	116.53	51.50%
Trung bình 20 ngày	287.13	26.92%	109.97	31.72%	81.25	43.42%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	15,170.54	82.72%	6,508.99	48.08%	1,780.64	38.31%
GTGD khớp lệnh	9,471.30	46.42%	5,760.72	47.54%	1,657.66	38.35%
Trung bình 20 ngày	7,555.64	100.78%	4,288.90	51.76%	1,271.02	40.10%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	45	13%	4	13%	48	12%
Số mã giảm	262	74%	24	80%	180	47%
Số mã đứng giá	48	14%	2	7%	158	41%



Sau khi trải qua phiên điều chỉnh tâm lý trong ngày hôm qua, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục diễn biến trong sự bất ổn. Lực cầu ít ỏi hoàn toàn lép vế trước áp lực giảm quá lớn của các cổ phiếu trụ cột, đặc biệt ở nhóm ngân hàng và dầu khí đã khiến hai chỉ số đã có lúc rớt về mức điểm số của tháng 12 năm ngoái. Tuy nhiên, về cuối phiên, sự phục hồi nhẹ trở lại ở một số mã cổ phiếu, hỗ trợ cho VN-Index chỉ còn ghi nhận giảm 37 điểm thay vì con số 55 điểm trước đó. Chỉ số HNX-Index cũng thu hẹp được đà lao dốc khi chỉ còn giảm 3% tương ứng với đánh mất 3 điểm khi đóng cửa.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại 1011.60 điểm (-3.54%). KLGD khớp lệnh đạt 364.4 triệu cổ phiếu (+46.9%), tương đương 9,471 tỷ đồng giá trị (+46.4%).

Ngân hàng tiếp tục dẫn đầu đà giảm với diễn biến giảm sàn chỉ còn xuất hiện ở cổ phiếu BID, tuy nhiên một số mã khác là CTG (-6.5%), HDB (-4.7%), MBB (-4.1%) vẫn giữ nguyên đà giảm sâu như phiên trước. Trong khi đó, nhóm dầu khí dường như vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi khi tình trạng nằm sàn vẫn duy trì ở các mã GAS, PLX, PVD và PXS. Trái ngược diễn biến của thị trường, cổ phiếu MSN (+1.5%) sau phiên giảm sàn đã phục hồi trở lại, tuy nhiên lượng mã giảm điểm trong ngành thực phẩm vẫn áp đảo khiến nhóm ngành này hiện vẫn là yếu tố gây nên sự sụt giảm của chỉ số VNM (-2.6%), BHN (-4.9%), SAB (-2.6%) cùng với các cổ phiếu thuộc nhóm bất động sản, trong đó VRE, PDR và NLG có thêm một phiên giảm sàn tiêu cực. Tuy nhiên, trong phiên hôm nay, cổ phiếu VRE bất ngờ được khối ngoại bắt đáy mua ròng tích cực, lên đến hơn 4 ngàn tỷ đồng thông qua phương thức thỏa thuận. Ngoài ra, diễn biến tiêu cực tương tự còn rơi vào các mã xây dựng với ROS, CTD và HBC đồng loạt về giá sàn cùng với bộ đôi vận tải khi sắc xanh sàn cũng xuất hiện tại 2 cổ phiếu này VJC (-7.0%), TCT (-6.9%).

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VRE	94,500.0	4,512.38
VNM	1,944.9	374.25
VPB	4,983.1	243.85
VIC	2,097.8	170.13
NVL	1,280.0	103.83
FPT	771.5	47.06
GMD	585.0	23.37
MWG	143.3	17.62
HDB	400.0	17.20
NLG	488.0	16.62
HNX		
SHB	8,882.0	100.79
VTH	650.8	8.79
MSC	428.3	4.84
PVI	100.0	3.50
ACB	42.0	1.51
VGC	60.0	1.22
CEO	100.0	1.00
VIX	90.0	0.76
VC7	21.1	0.30
PVC	20.0	0.20

Khối ngoại gia tăng mua ròng trên sàn HOSE với giá trị 4109.6 tỷ đồng (+5647.1%), tập trung mua ròng ở các mã VRE (+4190.9 tỷ), CII (+87.4 tỷ), STB (+53.9 tỷ) và bán ròng chủ yếu các mã VIC (-117.2 tỷ), VJC (-110.6 tỷ), MSN (-40.5 tỷ). Tuy nhiên con số này đã bao gồm giá trị thỏa thuận của khối ngoại tại cổ phiếu VRE. Nếu loại bỏ giá trị mua ròng của cổ phiếu này, diễn biến thực tế của khối ngoại là bán ròng với giá trị bán lên đến 80.49 tỷ. Đồng thời, tính riêng giá trị mua ròng của quỹ ETF con số mua ròng cũng đạt giá trị 180.6 tỷ đồng.

Diễn biến trên sàn Hà Nội cũng tương tự khi chỉ số đóng cửa giảm điểm tại mốc 115.63 điểm (-2.78%). KLGĐ khớp lệnh đạt 116.5 triệu cổ phiếu (+51.5%), tương đương 1657.7 tỷ đồng giá trị (+38.4%).

Dẫn đầu mức giảm của HNX-Index vẫn thuộc về các mã ngân hàng ACB (-2.8%), SHB (-2.5%), tuy nhiên cổ phiếu NVB (+7.6%) bất ngờ tích cực và trở thành trụ đỡ chính cho chỉ số trong phiên hôm nay. Cùng với đó, các cổ phiếu dầu khí cũng tiếp nối đà tăng với đà giảm sâu đến từ PVS (-9.9%), PVB (-9.9%) và PVC (-9.5%). Diễn biến tương tự còn diễn ra ở nhóm xây dựng VCG (-3.0%), CTX (-7.6%), TTB (-3.4%) và vật liệu VCS (-8.2%), GMX (-9.8%), GKM (-2.2%).

Khối ngoại gia tăng mua ròng với giá trị đạt 96.1 tỷ đồng trên sàn Hà Nội (244.9%), tập trung ở các mã SHB (+50.9 tỷ), VGC (+22.5 tỷ), VCG (+18.6 tỷ), trong khi đó INN (-1.7 tỷ), WCS (-0.6 tỷ), CEO (-0.6 tỷ) dẫn đầu trong danh sách bán ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm mạnh thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý áp lực bán khá mạnh. Không những vậy, chỉ số tiếp tục đi xuống đóng cửa dưới MA 5 và 20 cho thấy xu hướng giảm ngắn hạn của chỉ số đang mạnh dần lên. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác, như MACD và RSI đang đi xuống tiêu cực, cho thấy chỉ số có thể tiếp tục đi xuống thử thách ngưỡng tâm lý 1.000 điểm. Trong trường hợp, ngưỡng hỗ trợ trên bị phá vỡ thì ngưỡng 977 điểm (Fib 38.2) có thể là ngưỡng hỗ trợ mạnh. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự, chỉ số có phiên suy giảm mạnh xuống phá vỡ ngưỡng hỗ trợ 118 điểm (MA 50) và duy trì đóng cửa dưới MA 20, kèm khối lượng giao dịch gia tăng cho thấy xu hướng điều chỉnh ngắn hạn đang tiếp diễn, ngưỡng hỗ trợ gần nhất có thể là 112 điểm (MA100). Trường hợp ngưỡng này bị phá vỡ, thì ngưỡng 111 điểm (Fib 100) có thể là ngưỡng hỗ trợ mạnh tiếp theo. Nhìn chung, xu hướng điều chỉnh ngắn hạn của thị trường đang có dấu hiệu mạnh lên. Do đó, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng danh mục ở mức an toàn nhằm giảm thiểu thiệt hại trước áp lực điều chỉnh của thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TAC	50.5	9.4	7.0%
FTS	14.8	166.2	6.9%
VPS	18.8	0.1	6.8%
PJT	13.7	1.5	5.4%
ICF	1.8	5.3	5.2%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ROS	151.5	727.1	-7.0%
MHC	5.6	112.4	-7.0%
AMD	5.9	2,194.3	-7.0%
VPG	18.6	182.8	-7.0%
DTA	8.4	0.0	-7.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	58.0	811.9	1.8%
VIC	81.1	492.1	0.0%
STB	15.4	475.4	1.7%
VRE	47.8	433.6	-6.9%
VCB	62.0	396.6	-1.1%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	15.4	32,948.8	1.7%
HAG	7.0	15,787.6	-6.9%
HPG	58.0	14,973.3	1.8%
FLC	5.3	13,944.4	-6.9%
HQC	2.3	13,351.9	-3.8%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CET	4.4	17.8	10.0%
DGL	33.1	1.3	10.0%
VCM	21.1	0.4	9.9%
NBW	16.7	0.1	9.9%
PPP	9.1	0.1	9.6%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VC7	14.4	56.0	-10.0%
OCH	4.5	92.5	-10.0%
SDU	11.7	3.6	-10.0%
SAF	48.6	0.2	-10.0%
HHC	73.8	0.1	-10.0%

Top 5 giá trị

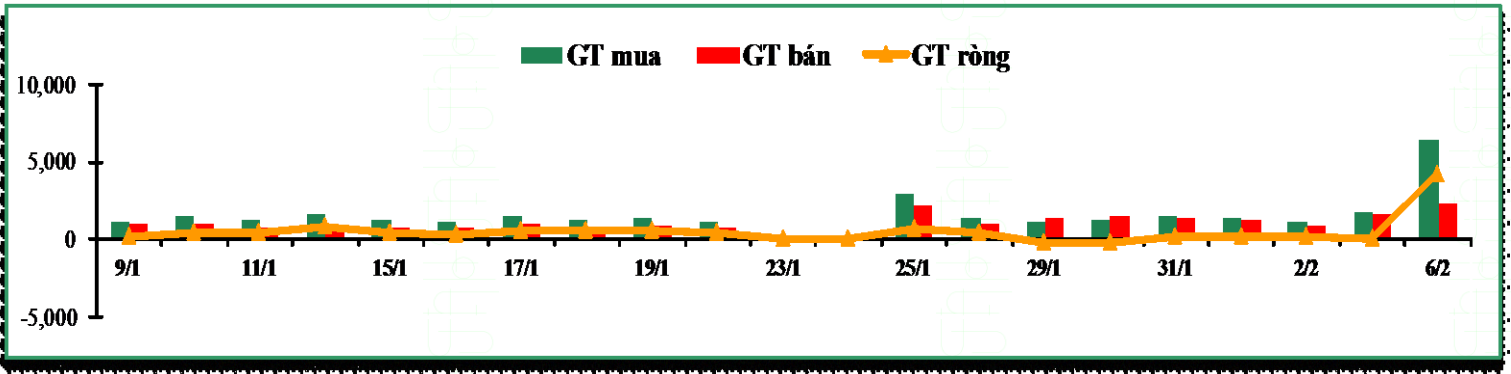
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	11.6	512.0	-2.5%
PVS	21.8	296.1	-9.9%
ACB	38.9	273.4	-2.8%
SHS	19.9	101.9	-2.0%
VCG	22.5	87.0	-3.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	11.6	46,248.6	-2.5%
PVS	21.8	13,532.6	-9.9%
ACB	38.9	7,329.8	-2.8%
PVX	2.0	5,815.6	-4.8%
SHS	19.9	5,511.4	-2.0%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	6,352.3	67.1%	2,242.6	23.7%	4,109.6
HNX	134.6	8.1%	38.6	2.3%	96.1
Tổng số	6,486.9		2,281.2		4,205.7



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	197.9	511.7	-2.6%
VIC	81.1	155.1	0.0%
VCB	62.0	144.4	-1.1%
HPG	58.0	124.8	1.8%
CII	34.5	121.3	-6.9%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	197.9	549.8	-2.6%
VIC	81.1	272.3	0.0%
HPG	58.0	140.8	1.8%
VCB	62.0	135.0	-1.1%
VJC	172.1	113.6	-7.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VRE	47.8	4,190.9	-6.9%
CII	34.5	87.4	-6.9%
STB	15.4	53.9	1.7%
HBC	37.4	31.7	-7.0%
BMP	80.0	21.9	-0.4%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	11.6	69.4	-2.5%
VGC	23.4	22.7	4.0%
VCG	22.5	19.1	-3.0%
SHS	19.9	7.5	-2.0%
PVS	21.8	6.0	-9.9%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	11.6	18.5	-2.5%
PVS	21.8	4.8	-9.9%
SHS	19.9	3.7	-2.0%
INN	61.8	1.8	-3.1%
BVS	19.2	1.7	-2.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	11.6	50.9	-2.5%
VGC	23.4	22.5	4.0%
VCG	22.5	18.6	-3.0%
SHS	19.9	3.8	-2.0%
NTP	60.0	2.4	-4.8%

Tin trong nước

Vượt Trung Quốc, nhập siêu từ thị trường Hàn Quốc tiếp tục tăng mạnh
Theo Bộ Công Thương, trong tháng 1/2018, kim ngạch nhập khẩu của cả nước ước đạt 19,3 tỷ USD, tăng 47,4% so với cùng kỳ.

Trong đó, khu vực 100% vốn trong nước ước đạt 7,8 tỷ USD, tăng 43,2%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 11,5 tỷ USD, tăng 50,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu lớn của Việt Nam, ước tính trong tháng 1, cả nước đã chi khoảng 4,18 tỷ USD để nhập khẩu từ thị trường này, tăng 54,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Ở chiều ngược lại, Việt Nam xuất khoảng 1,28 tỷ USD vào thị trường này, tăng 28% so với cùng kỳ năm ngoái.

Như vậy, trong tháng 1/2018, Việt Nam nhập siêu từ Hàn Quốc khoảng 2,9 tỷ USD.

Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc trong tháng 1/2018 ước đạt 5,68 tỷ USD, tăng 45,6% so với cùng kỳ năm ngoái và xuất khẩu gần 4,5 tỷ USD, tăng 148,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Dù vậy, trong tháng Một, Việt Nam vẫn nhập siêu khoảng 1,18 tỷ USD từ Trung Quốc.

Trước đó, Bộ Công Thương cho biết, đến năm 2020 Việt Nam sẽ cân bằng một cách bền vững, đặc biệt là thu hẹp mức nhập siêu tại các thị trường lớn như Hàn Quốc, Trung Quốc...

Tỷ giá trung tâm tăng mạnh ngày thứ 2 liên tiếp

Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm áp dụng cho ngày 6/2 ở mức 22.450 đồng, tăng 6 đồng so với ngày 5/2.

Đây là phiên thứ hai liên tiếp tỷ giá này được điều chỉnh tăng. Trước đó trong ngày 5/2 tỷ giá đã tăng 18 đồng. Tuần trước, tỷ giá trung tâm cũng có 3 phiên tăng liên tục đầu tuần.

Với biên độ +/-3% đang được áp dụng, tỷ giá trần mà các ngân hàng được áp dụng hôm nay là 23.124 đồng và tỷ giá sàn là 21.777 đồng.

Dù tỷ giá trung tâm tăng liên tục nhưng tỷ giá VND/USD lại giữ khá ổn định, giá bán USD được niêm yết phổ biến ở mức 22.740 - 22.755 đồng và mua vào ở mức 22.665 - 22.675 đồng.

Trong một diễn biến khác, trong khi cặp tỷ giá VND/USD được giữ ổn định thì các cặp tỷ giá giữa VND với ngoại tệ khác lại được điều chỉnh tăng khá mạnh thời gian qua. Và thậm chí so với một năm trước đây thì có cặp tỷ giá đã điều chỉnh tới cả chục phần trăm. Chẳng hạn so với Euro thì VND đã giảm giá hơn 16%, so với bảng Anh mất 13,7%, so với đồng tiền Malaysia giảm giá hơn 14%, so với Bath Thái cũng giảm trên 11%...

Tin doanh nghiệp niêm yết

Tiếp tục thoái vốn Nhà nước ở Petrolimex, VEAM, Habeco trong năm 2018

Bà Tào Thị Kim Vân, Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp (Bộ Công Thương) cho biết, trong giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện kế hoạch sắp xếp đổi mới doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Công Thương đã cổ phần hóa và thoái vốn 17 doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có 6 Tập đoàn, Tổng công ty.

Đáng chú ý, ngay trong tháng 1/2018, Bộ Công Thương đã IPO thành công 3 đơn vị là Tổng công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn, Tổng công ty Điện lực Dầu khí, Tổng công ty Dầu Việt Nam.

Đại diện Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp cũng cho biết, năm 2018, Bộ Công Thương sẽ tập trung thoái vốn khỏi các doanh nghiệp lớn như: Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (Habeco) và Tổng công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp (VEAM).

Riêng với Habeco, trong năm 2018, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tập trung đàm phán, xử lý các vướng vắn đề tồn tại trong hợp đồng với Carberg, làm làm cơ sở cổ phần hóa tại Habeco.

Hiện Tổng công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp (VEAM) là doanh nghiệp hàng đầu ngành công nghiệp chế tạo máy móc, thiết bị nông nghiệp. Ngày 29/8/2016, VEAM thực hiện IPO với khối lượng chào bán là 167 triệu cổ phiếu tương đương 12,57% vốn điều lệ.

Trong khi đó, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) cũng là một doanh nghiệp Nhà nước đang chiếm khoảng 50% thị phần xăng dầu.

Giá vốn hàng bán tăng mạnh, lợi nhuận Petrolimex (PLX) giảm 23% so với năm 2016

Lũy kế năm 2017, doanh thu hợp nhất Petrolimex đạt 155.651 tỷ đồng – tăng 26%. Tuy vậy, lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 4.877 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 3.984 tỷ đồng – giảm 23% so với năm trước. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) năm 2017 đạt 3.012 đồng.

Năm 2017, Petrolimex đặt kế hoạch lãi trước thuế 4.680 tỷ đồng và với kết quả thực hiện được, công ty đã hoàn thành vượt 4% chỉ tiêu đề ra.

Tính tới cuối năm 2017, tổng tài sản Petrolimex đạt 66.550 tỷ đồng, tăng 12.000 tỷ đồng so với đầu năm. Giá trị hàng tồn kho của công ty đạt 12.687 tỷ đồng, tăng gấp rưỡi đầu năm và chiếm gần 20% tổng tài sản.

Giảm chi cho quảng cáo, lợi nhuận hợp nhất của Sabeco tăng 10% so với năm 2016

Sabeco ghi nhận 5.137 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trong năm 2017, tăng trưởng 10,35% so với năm trước. Trong đó, lợi nhuận thuộc về công ty mẹ là 4.840 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) năm 2017 đạt 7.147 đồng.

Lũy kế năm 2017, Sabeco đạt doanh thu thuần 34.165 tỷ đồng, tăng trưởng 12%. Lợi nhuận gộp đạt 8.959 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận gộp đạt 26,2%.

Một điểm đáng chú ý, chi phí quảng cáo, tiếp thị, hỗ trợ của Sabeco trong năm 2017 chỉ là 1.198 tỷ đồng, giảm hơn 100 tỷ so với năm trước đó nhưng doanh thu vẫn được cải thiện. Theo Sabeco, doanh thu bán hàng trong năm vừa qua tăng bởi sản lượng tiêu thụ tăng và việc điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm trong năm 2017.

Sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong kỳ, Sabeco ghi nhận 5.137 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trong năm 2017, tăng trưởng 10,35% so với năm trước. Trong đó, lợi nhuận thuộc về công ty mẹ là 4.840 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) năm 2017 đạt 7.147 đồng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	LN dự kiến	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	MBB	Chốt lời	7/2/2018	27.8	24.1	15.4%	34.5	22.6	43%	-6%	Xu hướng điều chỉnh có dấu hiệu quay trở lại

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	LN dự kiến	Lỗ dự kiến	Ghi Chú
1	VIC	Nắm giữ	19/12/2017	81.1	74.0	9.6%	93.2	70.0	26%	-5%	Nâng giá mục tiêu lên 93.2 ngàn
2	SHB	Nắm giữ	28/12/2017	11.6	8.5	36.5%	14.0	8.2	65%	-4%	Nâng giá mục tiêu lên 14 ngàn
3	VRE	Nắm giữ	3/1/2018	47.8	47.4	0.8%	71.7	45.6	51%	-4%	Nâng giá mục tiêu lên 71.7 ngàn

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2018E (tỷ)	EPS 2018E	BV 2018E	ROE 2018E	ROA 2018E	PE 2018E	PB 2018E	Cổ tức dự kiến**
KDF (New)	UPCOM	56,700	73,000	26/01/2018	211	3,750	14,161	25%	15%	23.6	4.5	N/A
BSR (New)	N/A	N/A	27,343	26/01/2018	9,253	2,984	13,168	24%	14%	15.0	3.4	N/A
HVN (New)	UPCOM	45,500	46,300	09/01/2018	2,756	1,904	14,032	15%	3%	24.0	3.2	10%
HUT (New)	HNX	8,900	15,408	27/12/2017	514	1,926	16,117	12%	4%	8.0	1.0	N/A
DBD (New)	UPCOM	50,000	61,168	28/12/2018	170	3,242	31,979	17%	20%	19.0	1.9	15%
PME	HOSE	80,000	103,340	18/12/2017	335	4,669	32,028	17%	14%	22.0	3.2	20%
PLP	HOSE	18,000	28,591	07/12/2017	64.40	4,291	10,000	29%	14%	5.8	1.6	N/A
GAS	HOSE	104,800	96,900	08/12/2017	5,286	5,286	10,114	23%	16%	18.4	4.1	25%
DCM	HOSE	11,600	14,700	17/11/2017	737	1,393	11,394	12%	6%	11.0	1.3	10%
IMP	HOSE	61,400	72,390	15/11/2017	133	3,101	27,279	11%	9%	23.0	2.7	10%
CVT	HOSE	41,000	58,300	10/11/20017	197	6,966	18,497	38%	17%	8.7	3.1	30-35%
NTP	HOSE	60,000	67,100	01/11/2017	472	5,285	23,323	24%	13%	12.7	2.9	25%
TLG	HOSE	98,800	109,000	24/10/2017	265	5,316	20,398	24%	16.5%	10.7	3.08	20%
VDP	HOSE	33,900	42,816	23/10/2017	47	3,646	29,669	12%	9%	11.7	1.4	n/a
TRA	HOSE	111,900	123,593	19/10/2017	249	6,000	27,247	22%	16%	20	4.5	30%
BMP	HOSE	80,000	78,300	20/10/2017	460.0	6,029	31,593	20%	15%	13.0	2.0	25%
HAR	HOSE	8,710	14,871	03/10/2017	42.5	420	11,784	4%	3%	30.1	1.1	N/A
MWG	HOSE	119,000	122,000	28/09/2017	2,165	6,888	25,080	27%	8%	14.3	6.3	n/a
NKG	HOSE	34,700	41,200	29/09/2017	782	6,018	22,845	34%	11%	7.0	2.0	15%
LAS	HNX	12,700	23,400	22/09/2017	172	1,527	11,390	13%	6%	12.0	2.0	10%
PAC	HOSE	36,000	60,520	20/09/2017	165	3,558	17,463	20%	8%	14.6	3.0	23%
VNM	HOSE	197,900	167,000	18/09/2017	11,664	8,036	16,867	47%	36%	18.7	8.0	n/a

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2016 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UNIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.